

TASMANIA Ở ĐÂU ?

• Thích Như Điển



Tàu Tasmania đi từ Melbourne đến Devonport

Dĩ nhiên là có nhiều người đã biết địa phương và tên gọi này, nhưng chắc chắn có lắm người không biết, kể cả người viết bài này. Với tôi thì tên ấy đã nghe qua nhiều lần; nhưng đặt chân đến đó, đây là lần đầu tiên.

Tôi nhớ vào cuối năm 1979, nghĩa là cách đây 30 năm, lần đầu tiên đến Úc, thấy cái gì cũng lạ, ngay cả những tia nắng của xứ Nam Bán Cầu và những cây Bạch Đàn thơm mùi lá Khuynh Diệp. Những con chim, con kiến, con ruồi, con muỗi v.v... thấy cái gì cũng khác. Nhưng nhà cửa và cách kiến trúc ở đây chẳng khác gì mấy so với nước Anh. Vì chính người Anh đã mang tất cả những sự văn minh của bản xứ họ đến đây từ đầu thế kỷ thứ 19, hoặc trước đó nữa.

Tôi thấy cách kiến trúc cũng như tên những địa phương ở Úc không lạ với Anh, vì lẽ cái gì ở Anh đã có, họ chỉ cần thêm chữ New vào phía trước danh từ đã có tại Anh là có được tên gọi mới. Ví dụ như ở Anh có địa phương South Wales thì ở Úc họ chỉ cần thêm chữ New thành tiểu bang New South Wales. Tiểu bang này có thủ phủ là Sydney và lớn gấp 3 lần nước Việt Nam; nhưng dân số thì rất ít. Chữ Hampshire đã có ở Anh thì ở Úc họ đặt là New Hampshire. Một hôm tôi đi đến miền trung của Anh Quốc, gặp một địa danh là York và tôi liền tưởng ngay đến New York tại Hoa Kỳ. Dĩ nhiên người Anh đi đến đâu họ cũng mang quê hương họ đến đó, ngay cả ngôn ngữ, văn hóa, phong tục và tập quán nữa. Người Việt Nam chúng ta cũng giống như vậy. Đi đến Hoa Kỳ thì thành lập Little Saigon, để nhớ về quê hương một thời trong dĩ vãng, vốn là Thủ Đô của nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa từ năm 1954 đến 1975. Dĩ nhiên trước đó hơn 200 năm Saigon đã được đọc trại từ chữ Tây Cống của người Hoa muốn gọi địa phương này.

Còn Tasmania? Đây là danh từ của người Thổ Dân, họ đặt ra và họ đã có mặt tại đây cũng như nước Úc từ 60.000 năm trước. Họ là những người di dân từ Phi Châu qua Á Châu và đến Úc để sinh sống từ cái thuở xa xưa ấy chứ không phải chỉ mới 200 năm nay, khi người Anh mới đặt chân đến xứ này. Đảo Tasmania nằm phía Nam nước Úc, có diện tích lớn hơn đảo quốc Đài Loan và hiện nay chỉ mới có 500.000 dân sinh sống tại đây, trong khi Đài Loan có đến 18 triệu người. Nếu tính theo đường chim bay từ miền Tây bắc Smithton đến miền Nam của

Hobart cũng đã hơn 400 cây số rồi, còn bề ngang từ St.Helens đến Marrawah cũng đã hơn 430 cây số. Nếu tính từ Bắc của cảng Devonport đến miền Nam Dover cũng đã là 356 cây số. Đó là chưa tính đến cuối mũi Wahle Hd. Như vậy đảo Tasmania có diện tích khoảng 16.000 cây số vuông. Đảo này miền Bắc và miền Nam có dân cư sinh sống sầm uất, còn miền Tây vốn là rừng thiên nhiên vẫn còn được bảo quản rất tốt. Dọc theo những cánh rừng này là những hồ nước ngọt. Miền Đông của đảo là nơi sản xuất nho và cây trái bốn mùa. Đảo Tasmania mưa nhiều, nên nước cũng lắm và ở đâu cũng có một màu xanh dịu mắt kéo thẳng đến tận chân trời.

Thông thường sau những ngày miệt mài với việc dịch thuật tại Tỉnh Thất Đa Bảo, trên vùng đồi núi của Sydney, tôi hay có những chuyến đi thăm xa như thế. Trước đây tôi và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi, cùng với hai người đệ tử đã dùng máy bay và xe bus đi vòng quanh nước Úc cả 21 ngày và gần 20.000 cây số như thế, để cho biết con người và phong cảnh cũng như văn hóa tại đây. Sau đó tôi có viết bài: Nước Úc Có Gì Lạ đã được đăng trên báo Viên Giác cũng như trang nhà Quảng Đức và trang nhà Viên Giác, nhằm giới thiệu một đất nước đẹp, hiền hòa mà nhiều người trên thế giới đều mong muốn đến đây để thăm viếng cũng như ở lại định cư và lập nghiệp. Riêng người Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản đã có mặt ở đây từ năm 1977 và cho đến nay đã có hơn 200.000 người sinh sống cùng với 20 triệu dân địa phương với nhiều dân tộc khác nhau, chắc không dưới 100 sắc dân và 100 ngôn ngữ khác nhau tại xứ Úc này.

Sau khi hoàn thành dịch phẩm thứ 56 từ tiếng Nhật sang tiếng Việt, tôi quyết định làm một chuyến hải trình sang thăm đảo Tasmania cùng với Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, Thầy Hạnh Định và Đạo hữu Quảng Từ Chris Dunk (đệ tử của Thầy Nguyên Tạng, người Úc có vợ Nhật). Ông ta có người mẹ là Thổ Dân da trắng sinh ra tại Tasmania, nên đường đi nước bước rất rành. Do đó TT Thích Nguyên Tạng đã nhờ ông ta làm tài xế dẫn đường.

Chiều ngày 4 tháng 1 năm 2010 Thầy trò chúng tôi đã cùng Thầy Nguyên Tạng trở lại Melbourne, sau khi tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Úc Châu Kỳ 9 tại Sydney được hoàn thiện nhất kể từ khóa một đến nay. Tôi không biết mình đến Melbourne lần này là lần thứ mấy rồi. Nhưng Melbourne đối với tôi có rất nhiều ấn tượng. Đó là mỗi ngày đều có 4 mùa rõ rệt: Sáng sớm lạnh thấu xương, tượng trưng cho mùa Đông; Buổi mai rất đẹp, trời trong mây tạnh, tượng trưng cho mùa Xuân; Buổi trưa nắng như thiêu đốt, nhiều khi muốn ngộp thở, tượng trưng cho khí hậu của mùa Hè và vào Chiều, trời vẫn vũ chuyển mưa tượng trưng cho mùa Thu có nhiều thay đổi. Melbourne còn ở lại trong tôi chỉ có ấn tượng này.

Tuy nhiên vào tháng 10 năm 2003 Tu Viện Quảng Đức, nơi Thượng Tọa Thích Tâm Phương trụ trì và cũng chính là người sáng lập đã tổ chức Đại Hội GHPGVNTN Hải Ngoại tại đây và nhân cơ hội ấy tất cả các châu lục đã cùng tấn phong Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang lên làm Đệ Tứ Tăng Thống của GHPGVNTN ở trong cũng như ngoài nước. Đồng thời bổ sung thành phần nhân sự cho Viện Hóa Đạo. Đây là một thời điểm đẹp nhất của GHPGVNTN tại Hải ngoại.

Tu Viện Quảng Đức trước đây là một trường học đã được Thượng Toạ Thích Tâm Phương tạo mới lại và cho kiến tạo Đại Hùng Bửu Điện cũng như giảng đường rất khang trang, nên năm 2003 cũng là năm khánh thành Tu Viện ấy. Tiếp tay với Thượng Toạ Trụ Trì có Thượng Toạ phó Trụ Trì Thích Nguyên Tạng, là người đa năng, có thể hoàn thành mọi khâu cho một công trình tổ chức lớn, vì đã kinh qua nhiều tầng lớp ở Đời cũng như Đạo. Đặc biệt vào đầu tháng 12 năm 2009 vừa qua, lễ khánh thành Tăng Xá và lễ rước Phật Ngọc về Tu Viện đã có hàng trăm Chư Tăng, Ni, hàng ngàn, hàng vạn Phật tử đã về tham dự và đàn lễ Phật Ngọc trong suốt hai tuần. Nghe đầu tháng 10 năm 2010 này sẽ khánh thành Tháp Tứ Ân và làm lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Tu Viện Quảng Đức.

Ngày 23 tháng 12 năm 1979 Hội Phật Giáo tại New South Wales được thành lập và sau đó chùa Pháp Bảo được xây dựng cũng như khánh Thành vào năm 1984. Khi Chùa Pháp Bảo được xây dựng thì thành phố Smithfield chưa có. Đây cũng là một dấu ấn lịch sử nữa. Điều này có thể so sánh với Chùa Quang Hiếu ở Quảng Châu, nơi Lục Tổ Huệ Năng xuống tóc. Lịch sử cho biết rằng: khi thành phố Quảng Châu chưa có thì Chùa Quang Hiếu đã có rồi. Điều này chứng minh được rằng: Đạo Phật đã có mặt trước và trong sự sống của con người, lịch sử đã gọi vậy và Chùa Pháp Bảo ở Sydney cũng đáng gọi như thế.

Tất cả các Chùa Việt Nam tại xứ Úc đều được lần lượt xây dựng sau đó và hiện nay tại Úc có chừng 60 ngôi Chùa và Niệm Phật Đường. Đây là thành quả có một không hai của những người ra đi vì không sống nổi với chế độ độc tài của CSVN và họ đã chứng minh cho Thế giới thấy qua lãnh vực tinh thần cũng như văn hóa, hội nhập, thương mại v.v... mà trải qua 30 năm của một đoạn đường lịch sử, họ đã không làm hổ danh là người Việt Nam đến đây định cư vì bất cứ lý do gì.

Vào 21 giờ tối ngày 5 tháng 1 năm 2010 bốn người chúng tôi xuống tàu thủy từ cảng Melbourne và 7g30 sáng ngày 6 tháng 1 năm 2010 chúng tôi đã đến cảng Devonport, qua gần 10 tiếng đồng hồ để chỉ đi trong vòng 300 cây số.

Trước đó Thầy Nguyên Tạng đã đưa tôi đến thăm gia đình ông Chris Dunk và Yumiko (vợ của Chris là người Nhật). Dĩ nhiên người Nhật cũng như người Việt họ vẫn còn gìn giữ cẩn thận những nét chính về đặc trưng của văn hóa. Đó là vấn đề ngôn ngữ. Nếu tiếng mẹ đẻ mất thì xem như mất hết tất cả. Một văn sĩ người Đức, sau khi trốn chạy nước Đức thời Hitler, sang tỵ nạn tại Canada, ông ta nói rằng: 'Rất may cho tôi là quê hương đã để lại sau lưng, tôi mất hết tất cả, nhưng văn hóa vẫn còn'. Văn hóa ấy chính là những tác phẩm tiếng Đức của ông ta. Mặc dầu ông sống tại Canada nhưng lúc nào cũng canh cánh bên lòng về một quê hương nước Đức, xa xôi trong muôn dặm. Ở đây bà vợ người Nhật của ông Chris cũng vậy, khi đàm thoại tôi dùng toàn tiếng Nhật, khiến cho bà có nhiều cảm động hơn vì bà có cơ hội để liên tưởng về quê hương đất nước của mình. Người Việt chúng ta cũng thế thôi, khi nghe một người ngoại quốc nói được tiếng Việt, thử ai mà không vui. Vì lẽ người ấy sẽ hiểu về văn hóa và lịch sử của Việt Nam nhiều hơn là một người ngoại quốc khác.

Đến cảng Devonport vào một sáng tinh sương, đất trời còn ngủ say dưới làn sương mỏng, đang chờ ánh

thái dương rọi chiếu để muôn loài cùng thức dậy, đón chào bình minh của một ngày mới. Chúng tôi đã có mặt tại đây và sau khi làm thủ tục thuê xe, chúng tôi đã mang hành lý đến bỏ vào thùng xe gồm những đồ cần thiết cho chuyến lữ hành 4 ngày ba đêm tại Tasmania này. Xin niệm ơn Sư Cô Hạnh Nguyên và những đệ tử tại gia của Thầy Nguyên Tạng đã chu đáo cung cấp cho những thức ăn khô mà suốt trong 4 ngày chúng tôi đều phải cần đến.

Lật bản đồ ông Chris hỏi Thầy Nguyên Tạng bằng tiếng Anh: '*Quý Thầy muốn đi đâu*'. Tôi trả lời thế giùm: '*Chúng tôi đã ở phố nhiều rồi bây giờ chỉ muốn đi nơi nào thật ít người và tốt nhất là thiên nhiên, đồi núi*'. "

Ông ta chỉ vào địa điểm Cradle Mountain, chúng tôi gạt đầu và chuyển lữ hành với chiếc xe thuê, bắt đầu lăn bánh từ đó. Đường đi thật thơ mộng, hữu tình. Hai bên đường là những đồi cỏ xanh, có những chú bò, chú cừu vô tư đang gặm cỏ, thỉnh thoảng chúng ngẩng đầu lên cao để đảo mắt nhìn khách qua đường. Tôi chẳng biết là chúng khổ hay vui, nhưng suốt ngày chỉ lo cho cái ăn là chính, vì lúc nào cũng nhai đi nhai lại nhiều lần. Còn con người thì sao? Dĩ nhiên con người cũng là một sinh vật, nhưng sinh vật ấy có lý tưởng và dĩ nhiên phải khác với những động vật khác. Tuy nhiên điều này cũng chưa hoàn toàn đúng như vậy, vì đôi khi con người còn toan tính và lợi hại hơn những con vật khác nữa. Điều này chỉ có nhân quả mới biết rõ hết, còn sự hiểu biết giới hạn của con người, chúng ta không thể thấy hết tất cả những tai họa mà con người đã, đang cũng như sẽ gây ra cho quả đất này.

Vừa đi vừa ngắm cảnh, máy chụp hình trên tay Thầy Nguyên Tạng làm việc không ngừng nghỉ. Nghĩa là cái gì ghi lại được vào ống kính là Thầy ấy bấm ngay. Nhờ vậy mà trang nhà Quảng Đức có rất nhiều hình, người xem hình dễ nhận biết hơn là đọc chữ, vì ít cần suy nghĩ, cũng có thể phán đoán ngay là đẹp hay xấu, hay hoặc dở rồi. Do vậy mạng Quảng Đức đã có rất nhiều người vào xem. Công đức này là nhờ Thầy Nguyên Tạng và những đệ tử tại gia của Thầy.

Trên đường đi gặp nhiều con vật chết cũng như những con nhím và những con rắn vô tư bò qua lại bên lề đường khiến cho ông Chris, người thương thú vật hay dừng lại để trông cho thật kỹ như có ý chăm sóc cho chúng. Thầy Nguyên Tạng lại có cơ hội bấm máy thật nhanh để ghi lại những hình ảnh này. Nhìn thật kỹ vào sự vật, thực vật cũng như động vật, loại nào cũng không thể sống độc lập được. Cái này sống nương tựa vào cái kia. Cái này tồn tại là nhờ vào cái kia và sở dĩ cái kia sống còn được là nhờ vào cái này. Nếu cái này không có thì cái kia sẽ không có. Nhiều lúc ý thể mạnh, loài này đàn áp, giết chóc hay ăn tươi nuốt sống loài khác để cho mình được sống; rồi loài khác mạnh hơn cũng sẽ tìm cách sát hại loài này để nuôi dưỡng thân mình. Con người cũng vậy thôi. Sở dĩ sống còn được là nhờ sống trên những thực vật và động vật khác. Nếu không còn thực vật thì người ăn chay cũng không thể tồn tại được. Còn người ăn mạng sống của chúng sanh cũng thế. Vốn con người sanh ra ở thời nguyên thủy chỉ biết ăn chay vì con người có răng bằng và ruột non, ruột già dài nên chỉ ăn rau quả, đậu v.v... như khỉ, vượn, trâu bò. Vì loài người không có răng nhọn và ruột ngắn như sư tử, beo, cọp v.v... nên không thể ăn thịt sống được. Do vậy họ phải biến chế thịt bằng nhiều cách mới có thể ăn được.

Tục ngữ Pháp có câu: '*Manger pour vivre et non vivre pour manger*' nghĩa là: '*ăn để mà sống; chứ không phải sống để mà ăn*'. Rõ ràng là như vậy. Nếu người nào chỉ có sống để mà ăn thì cuộc sống ấy vô nghĩa, vì những loài động vật khác đã làm việc này rồi. Còn con người phải có trí tuệ, sự thông minh, mẫn cảm, không thể là một loài động vật bình thường được.

Thánh Gandhi, vị cha lành của dân tộc Ấn Độ, ông ta là một nhà tôn giáo, một triết gia, một chính trị gia đã nói rằng: '*Thực phẩm trên thế gian này không thiếu, chỉ có lòng tham của con người không đủ mà thôi*'. Đúng là như vậy! Khi con người khởi đi từ tâm tham thì mọi việc sẽ hỏng. Do vậy Ngài Long Thọ (Nagajuna) chủ trương thuyết Trung Quán cho rằng: '*Bất cứ cái nhân nào có mang tham, sân, si thì hậu quả sẽ khổ đau và không có hạnh phúc. Ngược lại bất cứ một cái nhân nào khi gây ra không hàm chứa bởi tham, sân, si thì kết quả của cái nhân kia sẽ là hạnh phúc và an lạc*'. Người Phật tử chúng ta phải rõ điều này. Do vậy, mặc dầu là ăn chay, nhưng trước khi ăn chúng ta phải tưởng nhớ đến những thực vật này đã giúp ta để sống còn, nên phải niệm đến Tam Đề Ngũ Quán.

Sau khi thăm hồ Dove Lake và núi Cradle, ông Chris lái xe đưa chúng tôi đến thành Phố Queenstown. Nơi đây chúng tôi sẽ trọ lại một đêm để sáng mai lên đường đi tiếp. Đến khách sạn vào lúc 13:30 chiều ngày 6 tháng 1 năm 2010 mà khách vẫn chưa được nhận phòng. Quý Thầy đi mua sắm thức ăn và tôi ngồi trong phòng chờ của khách sạn một mình để học tiếp bài *Sám Qui Mạng* do Ni Trưởng Trí Hải dịch. Đây là một bản dịch tuyệt vời, rất thành công, sau bản dịch của Hoà Thượng Thích Nhất Hạnh cách đây gần 50 năm về trước. Năm 1964 khi tôi mới vào Chùa, tôi đã học thuộc bài *Sám Qui Mạng* nghĩa của *Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh* dịch qua lời dạy của Hòa Thượng Thích Như Huệ thuở ấy. Đến nay mỗi tuần trong thời công phu khuya Tăng Ni chúng Chùa Viên Giác ở Đức và Chùa Pháp Bảo ở Úc vẫn hành trì.

Nhớ lần trước đi vòng quanh nước Úc với Hòa Thượng Bảo Lạc, tôi trên đường đi xe bus nhiều khi cả 20 tiếng đồng hồ, chẳng biết làm gì, nên tôi đã học thuộc lòng bài thơ '*Bao giờ nhĩ tôi về thăm xứ Quảng*' của nhà thơ Trần Trung Đạo hiện ở Hoa Kỳ. Bài này hơi dài cả 54 câu. Nếu trong khoảng 40 hay 50 năm về trước tôi chỉ cần học trong 1 đến 2 tiếng đồng hồ là xong, nhưng cách đây 3 năm tôi phải cần 3 lần 2 tiếng đồng hồ như vậy và năm nay 84 câu thơ song thất lục bát của bài sám qui mạng nghĩa ấy, tôi phải cần 7 lần của 2 tiếng như vậy mới thuộc lòng. Điều này chứng tỏ tuổi càng cao, trí nhớ càng kém. Ở lứa tuổi 61 như tôi vào năm 2010 là vậy. Do đó rất thông cảm với những người lớn tuổi mới đi xuất gia để học đạo và học kinh.

Văn phong của Ni Trưởng Trí Hải rất trong sáng. Ví dụ câu:

*'Rừng thơm hương biển từ sỏi đá
Địa ngục bừng khai đóa bạch liên...'*

Không ai có thể dịch hay hơn thế nữa, nhưng so 4 câu sau cùng của bài sám này thì Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh dịch sáng nghĩa và trội hơn Ni Trưởng Trí Hải. Đó là:

"Hư không dù có chuyển đi

*Nguyện con muôn kiếp không hề lung lay
Nguyện cầu vạn pháp xưa nay
Hoàn thành trí nguyện vững cây Bồ Đề"*

Dĩ nhiên mỗi người có một cách dịch khác nhau, nhưng dịch phẩm nào được nhiều người học, để đọc hay để tụng thì tác phẩm ấy là tác phẩm thành công.

Sau 2 giờ chiều chúng tôi mới có được buổi cơm trưa do ông Chris biến chế thật tuyệt vời. Chiều đó vài người trong đoàn đã đi thăm thành phố nhiều mỏ vàng, mỏ thép này. Nước và đất đá ở đây tất cả đều có màu vàng và nghe đâu chính phủ vẫn còn khai thác những khoáng sản thiên nhiên tại đây. Nhìn chung nước Úc và Hoa Kỳ là những nước giàu khoáng sản, hầm mỏ nhất nhì trên thế giới. Họ vẫn chưa khai thác hết. Đây là những tài nguyên phong phú làm giàu mạnh cho quốc gia họ.

Ngày 7 tháng 1 năm 2010 chúng tôi rời thành phố Queenstown để đi về hải cảng Hobart. Trên đường đi có vô số cảnh đẹp ở chung quanh hai bên đường. Gần trưa chúng tôi ghé lại Dewent Bridge để nghỉ ngơi. Tại đây chúng tôi gặp rất nhiều du khách và trao đổi với họ qua nhiều câu chuyện khác nhau trên chuyến lữ hành này. Có người đến từ Âu Châu, họ tránh cái lạnh nghiệt ngã của nơi đó vào mùa đông, đến đây đi bộ hàng trăm cây số và hưởng ánh nắng mùa hè cho với đi những cái lạnh cắt da, cắt thịt tại Na Uy hay tại Đức.

Trưa hôm đó chúng tôi dùng trưa dọc đường với những gì đang có, mang theo từ khách sạn sáng nay. Vào lúc 14:30 ngày 7 tháng 1 chúng tôi đã có mặt tại khách sạn ở Hobart và khách sạn này chúng tôi sẽ ở lại hai đêm và đây là nơi rất đẹp, vì khách sạn nằm bên bờ biển thơ mộng. Chiều đó Thầy Hạnh Định và ông Chris đi siêu thị mua đồ ăn cho những ngày còn lại, Thầy Nguyên Tạng bắt đầu viết bài tường trình cho Khóa Tu Học Phật Pháp Kỳ 9 của Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, còn tôi vẫn tiếp tục nhắm đi nhắm lại bài sám Qui Mạng của Ni Trưởng Thích Nữ Trí Hải. Học cho thuộc lòng và tụng như thần chú Thủ Lăng Nghiêm mới gọi là thuộc. Nghĩa là không phải cầm bản và không bị vấp bất cứ chỗ nào. Do đó bài sám này là một kỷ niệm đẹp cho riêng tôi trong chuyến đi này và ở vào tuổi 'Thuận nhĩ'. Nghĩa là bất cứ ai đó khi ở vào tuổi 60 rồi, cái gì nghe qua, cũng đều phải thuận với lỗi tai. Có lẽ đã già rồi, không còn có khả năng để đối co lại với người đối diện của mình chẳng?

Suốt ngày 8 tháng 1 năm 2010 với tôi là một ngày thật có ý nghĩa, vì lâu nay tôi cứ nghe nói chứ chưa thấy và chưa đặt chân tới nơi, thì không rõ biết hết được. Đó là đi tìm tổ tiên người Anh. Nghe rằng nhiều tù nhân của Anh đã bị mang qua đây và họ phải bị giam cầm tại Port Arthur từ năm 1830 cho đến năm 1877 thì nhà tù đóng cửa. Từ Hobart chúng tôi đi dọc theo quốc lộ A9 độ 3 tiếng đồng hồ thì đến nơi. Trên đường đi rất đẹp vì toàn là biển nằm sát mé với bên đường. Do đó tha hồ mà Hạnh Định bấm máy ảnh và ông Chris tha hồ kể về chuyện quê Mẹ của ông và những người Thổ Dân đã khai khẩn đất đai để trồng trọt như thế nào vào khoảng 60.000 năm về trước.

Đầu thế kỷ thứ 19 ở Việt Nam chúng ta là thời kỳ khá an bình và Gia Long Nguyễn Ánh đã thống nhất sơn hà, gây dựng nên nhà Nguyễn từ năm 1802. Nhưng thực tế chín Chúa, kể từ thời Chúa Nguyễn Hoàng đã có mặt tại Đàng Trong từ đầu thế kỷ thứ 17 (1600). Vua Gia Long,

vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị, vua Tự Đức là những vị vua có nhiều công lao đóng góp cho việc xây dựng cơ đồ từ Trung vào Nam và về văn học, tôn giáo cũng có nhiều khởi sắc. Trong khi đó tại đảo Tasmania này, trong thời gian từ năm 1830 đến 1877, nghĩa là trong 47 năm ấy đã có 1.100 tù nhân từ nhỏ tuổi nhất là 9 tuổi, đến người già nhất 80 tuổi, gồm nhiều thành phần khác nhau, họ đã gởi xương cốt của họ tại một đảo nhỏ gần đó, gọi là Đảo Chết. Những năm mờ mờ chủ đã nằm đây và chính xương da họ đã vẽ nên lịch sử của người Anh tại xứ Úc này.

Những ngôi nhà hay những ngục tù đi theo lối thuận chiều như sau: Ngôi nhà số một dành cho vị Giám Đốc coi tù nhân. Thứ hai là tháp canh tù, tháp này ngày nay vẫn còn. Kế đó là văn phòng Giám Đốc coi tù. Cơ sở số 3 và số 4 là sở hình vụ, nghĩa là nơi đây là nơi tra tấn tù nhân, nhiều khi cho đến chết và những thi hài cũng được bảo quản dưới tầng hầm của ngục tù này. Ngôi nhà thứ năm là chỗ ăn uống của những người lính canh ngục. Ngôi nhà thứ 6 chính là nhà thương, nơi săn sóc những người bệnh, bị tai nạn, hay ung thư phổi hoặc là yếu đuối về cơ thể do thiếu thức ăn gây nên. Nhà thương này được thành lập năm 1842. Tiếp đến ngôi nhà thứ 7 có nhiều điều đáng nói. Đây là nơi giam giữ chính trị gia lỗi lạc (William Smith O'Brien (1803 – 1864). Ông ta đã nói một câu để đời là: "Ich habe ganz veggensen, wie man lacht..." nghĩa là : " Tôi đã quên tất cả như người ta cười..." .



(William Smith O'Brien
(1803 – 1864)

Ông là dân biểu của Ái Nhĩ Lan và đã tranh đấu tách ra khỏi sự cai trị của người Anh, nên năm 1849 ông đã bị đưa từ Ái Nhĩ Lan đến giam giữ tại Porth Arthur này. Ông ta cũng xác nhận nơi giam giữ này giống như một ngọn đồi thật đẹp trong tiểu thuyết. Ngày nay sau gần 200 năm lịch sử nếu có ai đó đến đây để xem chỗ này thì cũng sẽ cảm nhận được như vậy. Ông ta không được người quen thăm nuôi và phải tự lo kinh tế cho mình bằng cách trồng trọt cây trái ngoài vườn. Sau 4 tháng bị giam cầm, đến năm 1856 ông trở về lại Ái Nhĩ Lan.

Năm 1849 tòa nhà số 8 được xây dựng để nhốt những tù cá nhân bất trị. Nhìn nhà tù thuở ấy so với bây giờ cũng không khác nhau mấy. Bởi lẽ, nếu ai đó có ở tù rồi thì đều biết rằng: "Một ngày ở trong tù bằng một ngàn mùa Thu ở bên ngoài".

So ra như vậy Đông, Tây, Nam, Bắc gì cũng giống như thế! Cái độc ác của con người không ai chỉ vẽ cho cá, mà họ học với nhau rất nhanh. Còn những điều hay, điều đẹp ở đâu lại chẳng có, nhưng học nó khó khăn vô cùng. Do vậy trong Đại Trí độ Luận Phật có dạy rằng: "Người ở tù vẫn có ngày ra, còn người đã bị nhốt vào ngục ái ân thì muôn kiếp cũng khó ra khỏi". Biết là vậy nhưng mấy ai thoát khỏi bởi đường tình; nên Cụ Nguyễn Công Trứ mới nói rằng:

" Cái vòng lẩn quẩn, loanh quanh
Kẻ hồng ra khỏi, người mong bước vào".

Trên đây là 8 nơi cần đi nhất tại nhà tù ở Port Arthur. Nếu còn thì giờ thì người ta có thể đi thăm tiếp những nơi còn lại như: Cơ sở số 9 là những nhà cửa và vườn tược của chính quyền và những người không bị tù. Những nơi này được xây dựng từ năm 1842 đến năm 1848. Ngôi nhà thứ 10 là một Đại Thánh Đường do những trẻ vị thành niên bị tù xây dựng nên. Nơi đây họ phải lao động cực nhọc để xây nên nhà thờ này. Năm 1884 bị ngọn lửa thiêu đốt, ngày nay chỉ còn lại 4 bức tường bằng đá rất kiên cố. Đa phần những tù nhân còn nhỏ này vừa làm việc vừa học hành. Lớp học khá đông, nhưng đa phần chỉ học Thánh kinh và học nghề đóng giày, dép, thợ rèn, thợ đóng thuyền và thợ hồ.



(Khu nhà kỷ niệm nơi 35 người bị sát hại tại Port Arthur)

Số 11 là hải cảng, nơi cập bến chở tù nhân từ Anh Quốc và các nơi đến đây. Cảng này được xây dựng từ năm 1834 đến năm 1848. Điểm thứ 12 là hòn đảo Cô đơn, nơi chôn cất 1.100 thi hài của những tù nhân tại đây. Điểm thứ 13 gọi là Point Puer nơi giam giữ những thiếu nữ phạm tội, gần 3.000 người tuổi từ 9 đến 17 trong vòng 15 năm ấy. Đến năm 1849 nơi này đóng cửa. Điểm thứ 14 là những sinh hoạt của người tù được thả ra từ năm 1877 và đến năm 1920 nơi này đã trở thành nơi đến của những khách du lịch. Họ xem lại ngày xưa, để biết tổ tiên, ông bà của họ. Bây giờ đây là ngày thường đi chảnh nữa, mỗi ngày đều có hàng ngàn người đứng xếp hàng mua vé vào cửa để xem "Địa ngục" ngày ấy. Nơi đây cũng là nơi khởi đầu cho những người da trắng đến từ phương Tây ngày ấy và bây giờ.

Điểm thứ 15 cũng không nên bỏ sót. Đó là nơi ghi lại lịch sử đau thương của một kẻ giết tập thể 35 người vào ngày 28 tháng 4 năm 1996. Hôm đó là ngày chủ nhật, và người giết tập thể này đang bị ở tù chung thân. Nhân đó mà quốc hội của Úc từ năm 1996 đã ra lệnh kiểm soát gắt gao tất cả những loại vũ khí giết người. Đó là dấu hiệu tốt cho xã hội Úc ngày nay. (Từ điểm 1 đến điểm 15 này người viết dựa theo tài liệu du lịch của Port Arthur phát cho những khách du lịch dùng tiếng Đức nhan đề là "Ihr Führer für Port Arthur" (hướng dẫn cho ông bà về Port Arthur).

Sau đó chúng tôi lên thuyền để chạy vòng quanh vịnh, thăm viếng những địa điểm đáng thăm và trở về lại khách sạn tại Hobart khi bóng chiều đã đổ xuống. Đọc đường ông Chris đã dùng xe và Hạnh Định đã ghé mua những quả Anh Đào chín mọng, ông ta khen rẽ và đúng như vậy, ngày hôm sau chúng tôi nhìn giá bán tại chợ trời được tăng lên gấp hai lần.



Hang núi nhìn ra biển tại Hobart

Ở nhà Thượng Tọa Nguyên Tạng đã viết xong bài tường thuật về kết quả 5 ngày Tu Học Phật Pháp tại Sydney do GHPGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan tổ chức từ

ngày 31 tháng 12 năm 2009 đến ngày 4 tháng 1 năm 2010 vừa qua với 353 học viên tham dự. Trong số này có 94 em thanh niên, thanh nữ và ngoài ra còn có 50 Chư Tôn Đức đến từ khắp nơi trên nước Úc để giảng dạy, thăm viếng và điều hành công việc. Bài tường thuật này đã được đăng trên báo Nhân Quyền và đài phát thanh tại Melbourne phát đi trong tuần lễ thứ hai của đầu năm dương lịch 2010. Nhớ lại vào ngày mãn khóa tôi có phát biểu rằng: Tục ngữ Pháp có nói: "*Sự thành công không phải là điều đáng nói, mà điều đáng nói là người ta phải làm thế nào để đi đến được sự thành công mới là điều quan trọng*". Đúng là như vậy. Sở dĩ lần này mọi khâu đều tốt đẹp, vì lẽ quý Thầy, quý Cô và quý Phật tử làm việc rất nhịp nhàng, phần ai nấy làm, không ai xen lẫn vào việc của người khác, nên không bị dẫm chân lên nhau. Đây là cách chia công việc đúng người, đúng khả năng theo lối Team work mà Thượng Tọa Thích Tâm Minh đã ứng dụng. Xin tán dương thành quả này của GHPGVNTN tại Úc Châu riêng cho lần thứ 9 này. Trong khi đó Âu Châu đã trưởng thành đến nay (2010) là khóa thứ 22. Lần đông nhất là khóa tu học thứ 16 tại Ý đã có 1.040 học viên tham dự và tu học trong 10 ngày. Lần đông thứ hai là khóa 18 tổ chức tại Đức 850 người và lần đông thứ ba phải nói đến khóa thứ 21 tại Bỉ và Hoà Lan tổ chức vào tháng 8 năm 2009 tại Bỉ có 750 người tham dự. Đây là những con số tuy không có tầm vóc, nhưng nó là một sự nỗ lực vô cùng quan trọng của Chư Tăng Ni và Phật tử thuộc GHPGVNTN Âu Châu nói riêng và các Giáo Hội VNTN của chúng ta nói chung ở khắp nơi trên thế giới.

Sáng ngày 9 tháng 1 năm 2010 đoàn chúng tôi 4 người trả phòng và đi xem chợ trời tại cảng Hobart. Đứng là:

*"Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm"*.

Như hai câu thơ của Cụ Nguyễn Du đã diễn tả trong truyện Kim Vân Kiều.

Đọc theo những hàng quán bán đủ thứ đồ, từ đồ tốt nhất đến đồ xấu nhất. Đa phần là đồ gia dụng, ai muốn mua món gì cũng có, nhưng giá thật đẹp, vì đây là chợ trời bán cho du khách, chứ người địa phương ít thấy vắng lai. Tôi đoán chừng có 200 gian lều bày bán giữa trời như vậy. Thịnh thoảng có người đàn hát dạo và xiếc, múa v.v... Tôi thấy đầu đen hơi nhiều nên cố gắng nghe tiếng nói của họ để biết họ đến từ đâu. Cuối cùng tôi phân loại người Hoa nhiều nhất, kể đến là người Đại Hàn và người Nhật, tiếp theo là người Việt còn người da trắng thì đến từ khắp nơi. Chợ tương đối nhộn nhịp, dĩ nhiên là chúng tôi chỉ xem qua thôi, chứ chẳng mua

được món nào cả. Cuối cùng tôi gặp một người Á Châu đang bán quán chắp hai tay lại xá chào. Tôi hỏi và biết được cô ta là người Thái Lan. Người Thái Lan có lối chào theo Phật giáo như vậy. Cả dân tộc chứ không phải riêng lẽ từng người, ngay cả năm dương lịch họ cũng không dùng đến, chỉ dùng Phật lịch, ví dụ năm nay là 2010 thì họ gọi là năm 2554. Họ tính theo năm Phật nhập Niết Bàn.

Sau khi đi thăm chợ trời, chúng tôi dùng trưa tại một công viên đầy bóng mát bên cạnh hải cảng. Thật là tuyệt vời. Vì tôi không biết làm thơ nên chẳng có bài nào được ghi lại bởi chuyển đi. Do vậy tôi cố ghi lại bài này để đăng trên trang nhà Quảng Đức và trang nhà Viên Giác để mọi người cùng đọc và biết đâu được có một ngày nào đó quý vị sẽ đến được Úc Châu để đi thăm danh thắng Tasmania này.

Vào lúc 17giờ ngày 9 tháng 1 năm 2010, Thượng Tọa Nguyên Tạng và ông Chris Quảng Từ bay về lại Melbourne, còn tôi và Hạnh Định chờ đến 19 giờ mới có máy bay để trở lại Sydney, thế mà mới 3 giờ chiều đã có mặt tại phi trường Hobart. Sau khi cân hành lý xong, chúng tôi vào bên trong để chờ lên máy bay. Thịnh thoảng có mấy người Âu Mỹ chắp hai tay lại chào và nhoẽn miệng cười. Chỉ vậy thôi vì họ biết chúng tôi là Tăng sĩ Phật giáo. Trong khi những người Á Châu khác dẫu sao đi nữa tôi vẫn cảm ơn tất cả, không trách cứ một người nào, vì ai bên cạnh mình cũng là những thiện tri thức cả.

Tôi tập cái nhìn và suy nghĩ theo lối Trung Đạo là: Không vui quá, không buồn quá, từ đó sẽ không có hạnh phúc toàn diện và khổ đau tuyệt đối, mà bất cứ cái gì trên thế gian này cũng đều có cái tương đối của nó. Chúng ta phải làm sao trú được nơi tánh Không và khi người ta khen mình, đừng vui và chê mình đừng buồn là được rồi, vì tất cả chỉ là giả tướng như trong kinh Kim Cang Phật đã dạy. Kinh rằng:

*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng
Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai"*.

Nghĩa là:

*Phàm cái gì có hình tướng, tất cả đều không thật
Nếu thấy các tướng được chỗ không tướng thì sẽ thấy
được Như Lai"*.

Do vậy khi đọc bài này cũng xin quý vị trụ vào chỗ vô trụ để xem qua rồi bỏ. Không cần phải phẩm bình, vì nó còn chỗ chấp trước đối đãi. Nếu còn có cái thấy thì hãy giữ lại trong tâm mình cái đẹp, cái cao thượng mà thôi. Còn những cái xấu nếu có không nên mang vào tâm mình làm gì. Vì tâm này vốn nhiệm ô trần lụy nhiều rồi. Kính chúc quý vị có được một nụ cười sau khi xem đoàn văn này. Mong được như vậy.

(Viết tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi, ngày 13.01.2010)